TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92**/2022/HS-ST
Ngày 28/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Hà Ứng Cương**

2/ Ông **Nguyễn Thành Thái**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 78/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022, về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Lý T; sinh ngày 03/9/1977 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện T, tỉnh G; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh Cà Đ (đã chết) và bà Thị S (đã chết); Vợ tên Thị G, sinh năm 1982 và có 04 người con: Lớn nhất sinh năm 2002 và nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ Thị G; sinh ngày 18/02/1982 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện T, tỉnh G; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh N, sinh năm 1954 và bà Thị M, sinh năm 1958; Chồng tên Lý T, sinh năm 1977 và có 04 người con: Lớn nhất sinh năm 2002 và nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Ông **Đặng Chấn T1**, sinh năm 1962 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Số 154 H, phường V, thành phố G, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào ngày 18 tháng 3 năm 2022 Lý T *(sinh ngày 03/9/1977, Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện T, tỉnh G)* đang ở nhà của T thì nghe Thi G, *(sinh ngày 28/2/1982, ở cùng địa chỉ với T)* kể về việc G bị ông Đặng Chấn T1 thường xuyên sàm sở. Nghe vậy, T mới bàn bạc với G sẻ dụ ông T1 đến nhà, sau đó G giả vờ chiều chuộng cho T1 quan hệ tình dục, T trốn sau nhà khi nào thấy G tắt hết đèn ở nhà trước và đèn trong phòng ngủ thì T sẽ đi vào bắt quả tang, nghe vậy thì G liền đồng ý.Đúng như kế hoạch G gọi điện thoại cho T1 rủ T1 đến nhà chơi và sẽ cho T1 quan hệ tình dục, nghe vậy T1 liền đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T1 chạy xe một mình đến nhà G, G và T1 đi vào trong phòng ngủ, G tắt hết đèn để ra hiệu cho T biết, Khi vào phòng, T1 liền cởi hết quần áo trên người ra và T1 dùng tay cởi áo của G ra. Lúc này, T đi vào mở đèn lên và xông đến dùng tay đánh vào mặt T1 02 đến 03 cái, T1 chạy ra phía trước phòng Khách thì bị T dùng điện thoại chụp ảnh, quay video lại hình ảnh T1 không có mặt quần áo. T đe dọa sẽ báo công an và nói sự việc trên cho người khác biết sự việc. Nghe vậy, T1 liền năn nỉ, van xin T. Lúc này, T nói với ông T1 phải đưa cho T số tiền 20.000.000 đồng thì T sẽ bỏ qua. Do sợ T nói cho người khác biết sự việc nên T1 đồng ý. Lúc này, Thị G cách đó khoảng 5m nên nghe rỏ việc T buộc ông T1 phải đưa tiền nhưng không có hành động ngăn cản. Sau đó, T cho ông T1 đi về.

Đến sáng ngày 19 tháng 3 năm 2022 T tiếp tục gọi điện cho T1 đe dọa sẽ tung hình ảnh lên mạng và buộc T1 phải đưa số tiền 20.000.000 đồng, lúc này G ngồi cạnh T nhưng vẫn đồng ý để T tiếp tục thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản. Đến ngày 20 tháng 3 năm 2022 T1 đem số tiền 20.000.000 đồng đến nhà của T và giao số tiền này cho T. Khi lấy được tiền T đưa số tiền trên cho Thị G giữ nhưng G kêu T giữ đi, T giữ số tiền trên và tiêu xài cá nhân hết 14.000.000 đồng, còn lại 6.000.000 đồng T đưa cho G. Số tiền này G tiêu xài hết 3.000.000 đồng. Sau khi bị cưỡng đoạt tài sản ông T1 đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Sau đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã tiến hành mời T và G về Cơ quan Công an để làm việc. Tại đây, T và G đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Đồng thời G đã nộp lại số tiền 3.000.000 đồng còn lại cho Cơ quan Công an.

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã khắc phục hậu quả cho bị hại xong.

** Về vật chứng thu giữ trong vụ án:*

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ từ Thị G số tiền 3.000.000 đồng. Đây là số tiền ông T1 bị T và G cưỡng đoạt nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại số tiền trên cho ông T1.

Ngoài ra, Cơ quan cảnh sát điều tra còn thu giữ và trả lại cho ông T1 một điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme.

** Về trách nhiệm dân sự:* Sau khi vụ án xảy ra, các bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 17.000.000 đồng và bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 79/CT-VKS-CT ngày 28/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Lý T và Thị G về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo Lý T và Thị G phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản".

Và đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Bị cáo **Lý T** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Bị cáo **Thị G** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại nhà của Lý T thuộc ấp B, xã L, huyện T, tỉnh G Lý T và Thị G đã sử dụng hình ảnh và video không mặc quần áo của ông Đặng Chấn T1 để đe dọa buộc ông T1 phải đưa số tiền 20.000.00 đồng cho T. Do bị T de dọa nên ngày 20 tháng 3 năm 2022 ông T1 đã đưa số tiền 20.000.000 đồng cho T tại nhà của T. Số tiền này T và G tiêu xài cá nhân hết 17.000.000đ còn lại 3.000.000đ G tiếp tục cất giữ.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự thì *"Người nào đe doạ sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm"*. Đối chiếu với quy định trên thì hành vi của các bị cáo T và G đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" như đã viên dẫn như trên.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người bị hại, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy vụ án. Bản thân các bị cáo là người trưởng thành nên có đủ năng lực nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác khi chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Mặc dù nhận thức được hậu quả gây ra, thế nhưng chỉ vì nghe G kể lại sự việc từng bị ông T1 có hành vi sàm sở mình cho T nghe thì cả hai đã lên kế hoạch dụ ông T1 đến nhà đồng thời G rủ ông T1 vào phòng ngủ với mình để T bắt quả tang, mặc khác T còn dùng tay đánh vào mặt, lấy điện thoại chụp ảnh và quay video không mặc quần áo của ông Đặng Chấn T1 để đe dọa buộc ông T1 phải đưa số tiền 20.000.000 đồng cho T, thời điểm đó G ở cách đó khoảng 5m và nghe rỏ việc T buộc ông T1 phải đưa tiền nhưng không có hành động ngăn cản, vì sợ T nói cho người khác biết nên T1 đồng ý và đã đưa cho T số tiền trên. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những trái pháp luật mà còn gây bất an lo sợ cho người bị hại cũng như người dân, gây dư luận xấu trong xã hội. HĐXX nghị án thảo luận cần có mức án nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho các trường hợp tương tự khác xảy ra.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải; Nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự đồng thời các bị cáo là dân tộc thiểu số, có trình độ học vấn thấp nên việc am hiểu pháp luật có phần hạn chế và đã khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 17.000.000 đồng nên các bị cáo

được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi lượng hình là phù hợp.

Riêng đối với bị cáo Thị G mặc dù có cùng bị cáo Thông lên kế hoạch để dụ ông T1 vào nhà nhưng bị cáo không trực tiếp uy hiếp, đe dọa T1 lấy tiền và hành vi của bị cáo tuy có giúp sức nhưng không đáng kể. Mặc khác bị cáo có nơi cư trú rỏ ràng, nuôi con nhỏ nên HĐXX đối chiếu Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, không cần phải tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để cho bị cáo tự thân học tập, cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ nghiêm đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện VKS tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, các bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 17.000.000 đồng và bị hại không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[7] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ từ Thị G số tiền 3.000.000 đồng. Đây là số tiền ông T1 bị T và G cưỡng đoạt nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại số tiền và 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme cho ông T1 là phù hợp nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lý T phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Lý T **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày chấp hành án.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Thị G phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Thị G **01 (một) năm** tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **02 (hai)** năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Thị G cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

3. Về áp phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc các bị cáo Lý T và Thị G mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong